

Bản án số: 14/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 24/6/2020
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Văn Ngôn

Ông Thân Văn Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Chu Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Việt Yên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 19/02/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐST-HNGĐ ngày 27/5/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 12/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Th - Sinh năm 1990 (Có mặt)

HKTT: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn V, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn T - Sinh năm 1983 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Th trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Chị và anh Trần Văn T có thời gian tìm hiểu rồi tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào ngày 15/12/2009. Trước khi đăng ký kết hôn thì chị và anh T có quan hệ tình cảm với nhau và đã được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau khi tổ chức cưới xong thì chị về gia

đình nhà anh T làm dâu ngay và vợ chồng sống chung cùng với bố mẹ anh T, không có thời gian nào ra ở riêng. Quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ham chơi cờ bạc, không chịu tu chí làm ăn, không chăm lo gì đến gia đình, sau khi phát sinh mâu thuẫn chị và anh T cũng như gia đình hai bên đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh T vẫn không thay đổi. Từ tháng 12/2019 chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở huyện L ở, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, anh T không lên hòa giải cũng như đón gọi chị về chung sống lần nào. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là cháu Trần Nam Ph, sinh ngày 24/8/2010 và cháu Trần Mai A, sinh ngày 08/3/2013. Hiện nay cháu Ph và cháu Mai A đang ở cùng anh T và ông bà nội. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Mai A. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay chị đang làm công nhân may thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị Th xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Văn T trình bày: Anh và chị Trần Thị Th kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q ngày 15/12/2009. Sau khi cưới chị Th về nhà anh làm dâu ngay, ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, tuy trong cuộc sống vợ chồng có lúc cãi nhau nhưng không có xô sát lớn, vợ chồng có mâu thuẫn do chị Th nghe lời bố mẹ đẻ muốn đi nước ngoài nhưng anh T không đồng ý, do vậy chị Th đã tự ý bỏ về nhà mẹ đẻ từ gần tết nguyên đán năm 2020, từ khi chị Th về nhà mẹ đẻ anh T không đón cũng như không gọi chị Th về. Nay chị Th có đơn xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: vợ chồng anh có 02 con chung là cháu Trần Nam Ph, sinh ngày 24/8/2010 và cháu Trần Mai A, sinh ngày 08/3/2013. Hiện nay cháu Ph và cháu Mai A đang ở cùng anh T và bố mẹ anh. Ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh nuôi cả hai cháu, anh không yêu cầu chị Th cấp dưỡng nuôi con cùng anh, hiện nay đang làm nghề lái xe, thu nhập từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng. Anh T đảm bảo chăm sóc tốt các cháu.

Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: anh T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương: Ông Trần Văn T – Trưởng thôn K– xã Q cung cấp: chị Th và anh T kết hôn với nhau và sinh sống tại địa phương. Sau khi kết hôn thì chị Th làm thủ tục chuyển khẩu về gia đình anh T. Quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không thông báo với chính quyền địa phương nên chính quyền thôn không nắm được cụ thể mâu thuẫn vợ chồng là gì. Hiện tại thì chị Th đã về nhà mẹ đẻ sinh sống không còn ở gia đình nhà anh T nữa. Hiện hai con chung của chị Th, anh T đang ở cùng với gia đình anh T.

Tại phiên toà hôm nay, chị Trần Thị Th vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Văn T và đề nghị giao cháu Trần Mai A sinh ngày 08/3/2013 cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không yêu cầu giải quyết về tài sản, công nợ, ruộng canh tác. Chị hiện nay đang làm công nhân may, thu nhập bình quân của chị khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Chị xác định có đủ thời gian và điều kiện để chăm sóc cháu Mai A.

Anh Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh T, chị Thao không đồng ý với ý kiến của anh T về việc chị không thăm nom các con, chị khẳng định chị vẫn thường xuyên thăm gặp các con.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình. Điều 28; Điều 35; Điều 39; Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 BLTTDS. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTWQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị Th được ly hôn anh Trần Văn T

Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Th được nuôi dưỡng cháu Trần Mai A, sinh ngày 08/3/2013, giao cho anh Trần Văn T nuôi dưỡng cháu Trần Nam Ph, sinh ngày 24/8/2010. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Chị Th, anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Th, anh T thực hiện quyền này.

Án phí: Chị Trần Thị Th phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Trần Văn T, địa chỉ: thôn, xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Bắc Giang.

Tại phiên toà ngày hôm nay, anh Trần Văn T vắng mặt. Mặc dù Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn không đến Tòa án làm việc. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 2

Điều 227, khoản 3 Điều 228 – Bộ luật tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh Trần Văn T là có căn cứ.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị Th và anh Trần Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 15/12/2009 tại UBND xã Q, huyện V, tỉnh Bắc Giang. Chị Trần Thị Th cũng đã cung cấp được trích lục kết hôn bản sao. Như vậy hôn nhân của chị Trần Thị Th và anh Trần Văn T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Chị Trần Thị Th và anh Trần Văn T đều xác định chị Th không ở tại gia đình anh T từ tháng 12/2019 cho đến nay. Nay chị Trần Thị Th xin ly hôn, anh T không đồng ý ly hôn. Tuy nhiên qua xác minh thì thấy thực sự mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trong quá trình Tòa án giải quyết, anh T không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có biện pháp tích cực để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, việc chị Th xin ly hôn anh T là có căn cứ cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Th và anh Trần Văn T có 02 con chung là cháu Trần Nam Ph, sinh ngày 24/8/2010 và cháu Trần Mai A, sinh ngày 08/3/2013. Hiện nay cháu Ph và cháu Mai A đang ở cùng anh T và bố mẹ anh. Chị Th có nguyện vọng được nuôi cháu Trần Mai A sinh ngày 08/3/2013, anh T có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu. Hội đồng xét xử xét thấy: Cả chị Th và anh T đều có việc làm có thu nhập ổn định để đảm bảo nuôi con, quá trình làm việc tòa án đã lấy lời khai của cháu Trần Nam Ph và cháu Trần Mai A, cháu Trần Nam Ph có nguyện vọng được ở với anh T, cháu Trần Mai A có nguyện vọng được ở với chị Th. Do vậy cần giao cháu Trần Nam Ph cho anh T nuôi dưỡng và giao cháu Trần Mai A cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp. Chị Th, anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, HĐXX không xem xét trong vụ án này.

[4] Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: Chị Trần Thị Th, anh Trần Văn T đều xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Trần Thị Thao phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các Điều 56; 57; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Quan hệ vợ chồng: Chị Trần Thị Th được ly hôn anh Trần Văn T.

Con chung: Giao chị Trần Thị Th được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Mai A, sinh ngày 08/3/2013, anh Trần Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Nam Ph, sinh ngày 24/8/2010. Chị Th, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị Th, anh T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở anh, chị thực hiện quyền này.

Án phí: Chị Trần Thị Th phải nộp 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền dự phí đã nộp 300.000đồng theo biên lai AA/2016/0001068 ngày 19/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Việt Yên. Chị Th đã nộp đủ án phí DSST.

Báo thời hạn kháng cáo 15 ngày cho các đương sự có mặt biết kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự vắng mặt biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã Q (ĐKKH số 91 ngày 15/12/2009).
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Đỗ Thị Tuyết